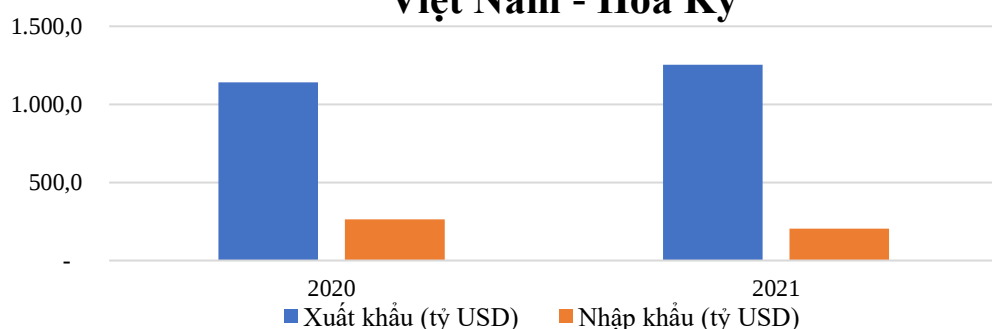


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường HOA KỲ



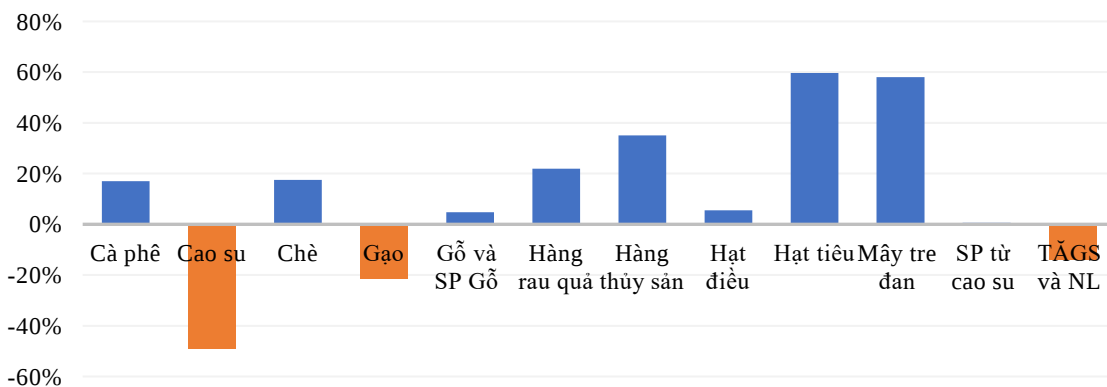
Xuất khẩu và Nhập khẩu NLTS Việt Nam - Hoa Kỳ



So sánh Kim ngạch XNK
NLTS Việt Nam – Hoa Kỳ
(12T – 2021/2020)

Xuất khẩu ▲ 22,7%
Nhập khẩu ▲ 9,8%

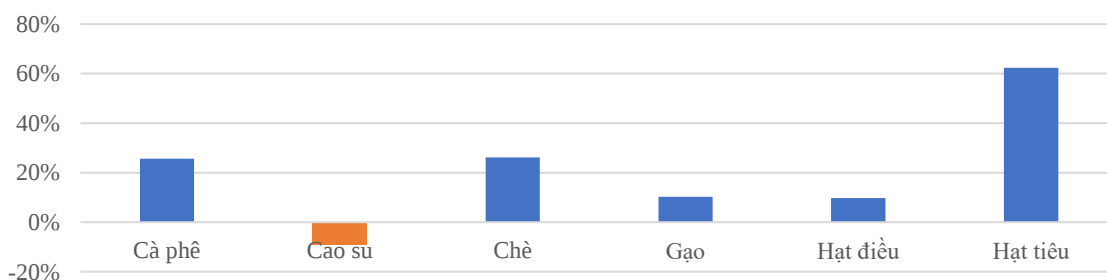
Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang Hoa Kỳ T12-2021 so với T12-2020



So sánh T12-2021/2020

Cà phê ▲ 16,9%
Cao su ▼ 49%
Chè ▲ 17,5%
Gạo ▼ 21,6%
Gỗ và SP Gỗ ▲ 4,8%
Rau quả ▲ 22%
Thủy sản ▲ 35,1%
Hạt điều ▲ 5,5%
Hạt tiêu ▲ 59,7%
Mây tre đan ▲ 58%
SP từ cao su ▲ 0,6%
TĂGS và NL ▼ 13,9%

Biến động giá xuất khẩu bình quân của NLTS chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ T12-2021 so với T12-2020



So sánh giá xuất khẩu
bình quân T12-2021/2020

Cà phê ▲ 25,6%
Cao su ▼ 9,1%
Chè ▲ 26,2%
Gạo ▲ 10,2%
Hạt điều ▲ 9,8%
Hạt tiêu ▲ 62,3%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, trong năm 2021, Hoa Kỳ vẫn là thị trường xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) lớn nhất của Việt Nam, chiếm 27% tổng xuất khẩu NLTS. Trong mối quan hệ thương mại giữa hai nước về mặt hàng NLTS, Việt Nam luôn là nước xuất siêu. Trong năm 2021, xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 13,5 tỷ USD, tăng 22,7% so với cùng kỳ năm 2020, trong khi nhập khẩu của Việt Nam từ thị trường này chỉ ở mức 3,4 tỷ USD, tăng 9,8% so với cùng kỳ năm 2020.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Hoa kỳ trong tháng 12/2021 là gỗ và các sản phẩm gỗ (chiếm 66,7%), thủy sản (14,3%), hạt điều (6,4%). So với tháng 11/2021, một số mặt hàng NLTS đã Việt Nam đã xuất khẩu sang Hoa Kỳ đều có kim ngạch tăng như: hạt tiêu tăng 59,7%; mây tre đan tăng 58%, thủy sản tăng 35,1% và rau quả tăng 22%. Một số mặt hàng có xu hướng giảm như: cao su giảm 49%; gạo giảm 21,6% và thức ăn chăn nuôi giảm 13,9%. *(Chi tiết tại phụ lục đính kèm).*

Mặc dù Việt Nam được coi là 1 trong 10 đối tác thương mại lớn nhất của Mỹ, tuy nhiên tổng giá trị xuất khẩu nông lâm thủy sản chỉ chiếm khoảng 1 - 2% giá trị nhập khẩu nông sản của Hoa Kỳ nên có thể thấy dư địa xuất khẩu còn rất nhiều. Nhất là khi Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ dự báo nhập khẩu nông sản trong năm 2022 của nước này có thể lên tới 165 tỷ USD.

Hoa Kỳ là vừa là quốc gia xuất khẩu nông sản hàng đầu nhưng đồng thời cũng là quốc gia nhập khẩu nông sản lớn nhất thế giới. Dự báo năm 2022 xuất khẩu nông sản của Hoa Kỳ sẽ đạt trên 175 tỷ USD và giá trị nhập khẩu khoảng 165 tỷ USD, điều này cho thấy quy mô thị trường tiêu thụ nông sản thực phẩm của Hoa Kỳ là rất lớn.

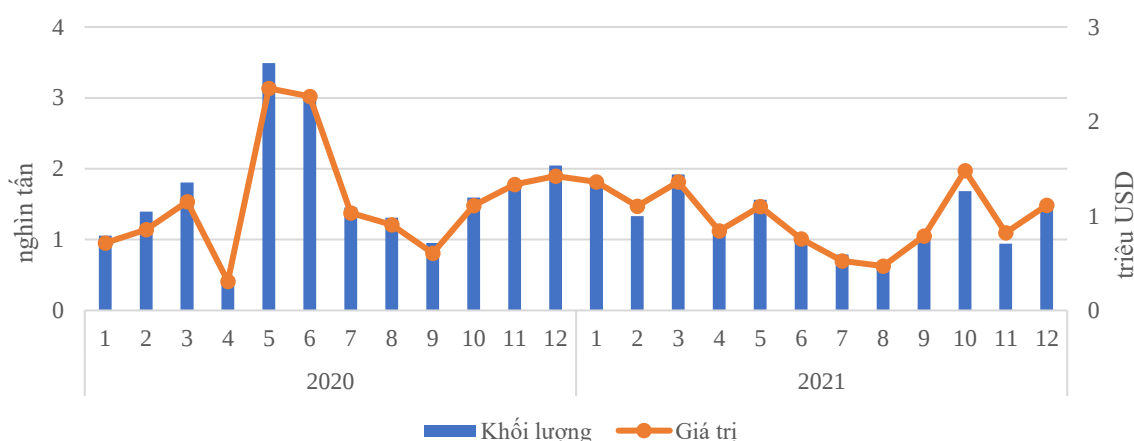
Một số nhóm sản phẩm có tỉ trọng nhập khẩu lớn bao gồm thủy sản, nông sản nhiệt đới, gia vị chiếm đến trên 90%, rau quả tươi, hạt thực vật, nước trái cây tỉ trọng nhập khẩu chiếm từ 20 - 50%. Những sản phẩm mà Việt Nam có thế mạnh cũng là nhóm hàng chiếm tỉ trọng nhập khẩu lớn.

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 12/2021, Việt Nam xuất khẩu được 1,5 nghìn tấn gạo, trị giá 1,1 triệu USD sang thị trường Hoa Kỳ, tăng 54,4% về khối lượng và 35,6% về giá trị so với tháng trước; nhưng giảm 28,8% về khối lượng và 21,6% về giá trị so với cùng kỳ 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong năm 2021 đạt 15,2 nghìn tấn, trị giá 11,7 triệu USD, giảm 24,9% về khối lượng và 16,6% về giá trị so với năm 2020.

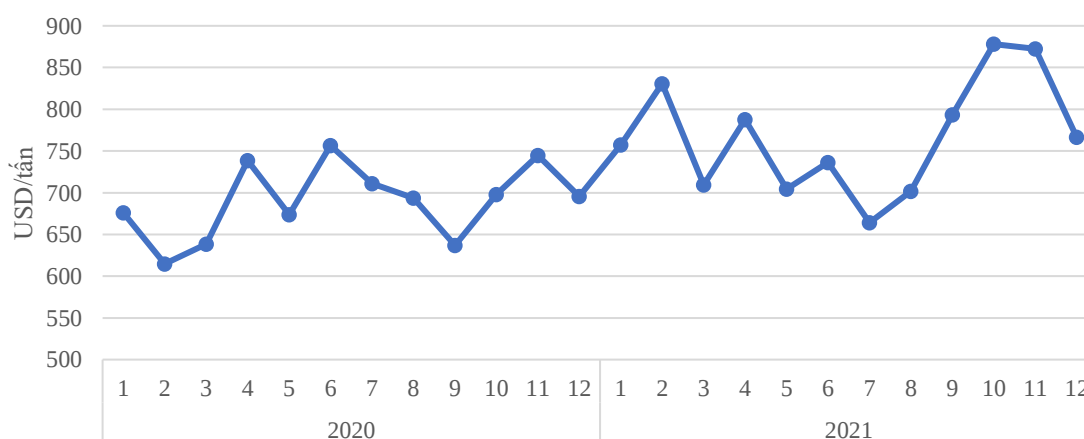
Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tháng 12/2021 đạt 766,4 USD/tấn, giảm 12,1% so với tháng trước nhưng tăng 10,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ

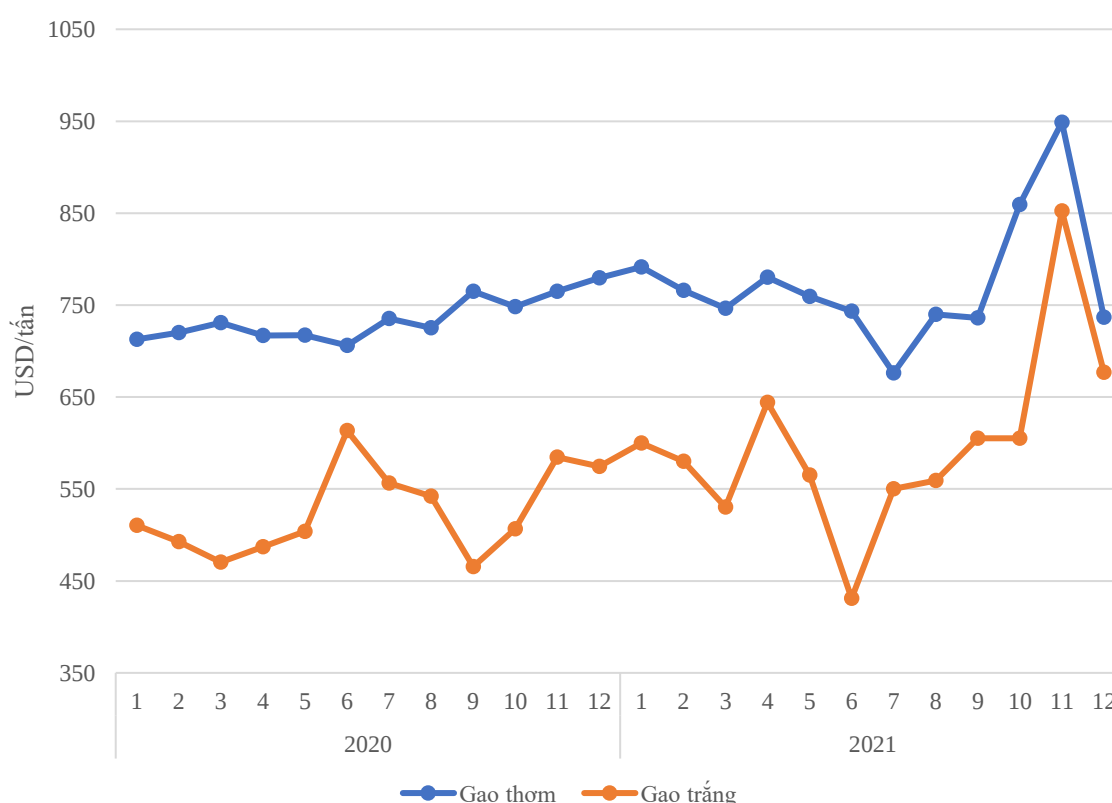


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 12/2021, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 1,3 nghìn tấn, trị giá 1,0 triệu USD (chiếm 79,5% về khối lượng và 77,7% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm sang Hoa Kỳ đã giảm 9,8% về khối lượng và 13,9% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo thơm tháng 12/2021 đạt trung bình 736,6 USD/tấn, giảm 22,4% so với tháng trước và 5,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngoài ra, giá gạo trắng đạt 676,9 USD/tấn, giảm 20,6% so với tháng trước nhưng tăng 17,8% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hoa Kỳ

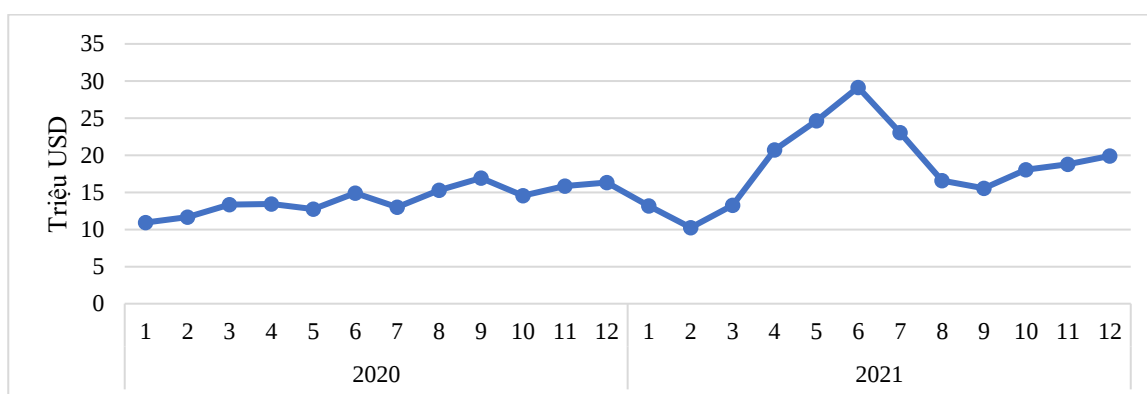


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Ghi chú: Giá gạo trắng không bao gồm các loại gạo hữu cơ

2. RAU QUẢ

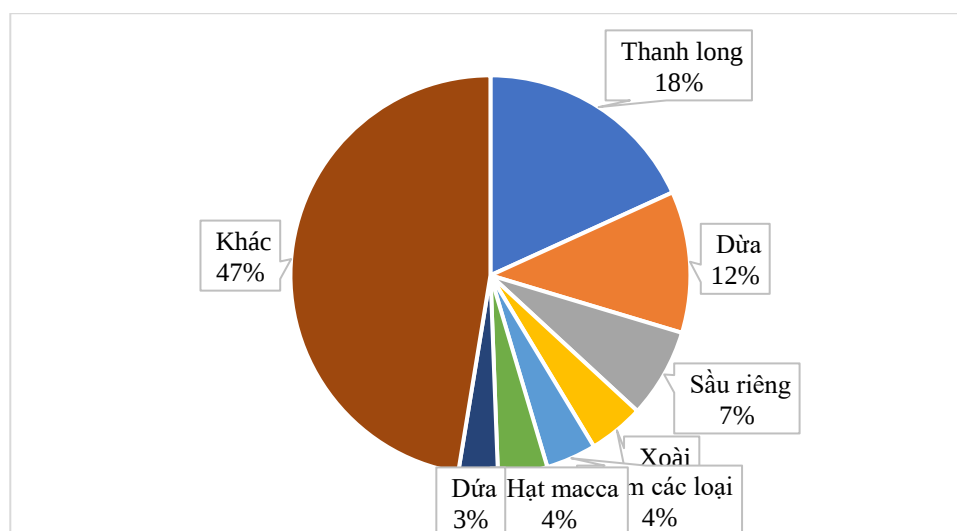
Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 12 năm 2021 đạt 19,9 triệu USD, chiếm 6,7% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, tăng 6,1% so với tháng trước và tăng 22,0% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung cả năm 2021, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hoa Kỳ đạt 222,9 triệu USD, chiếm 6,3% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 32,0% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 12 năm 2021, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt gần 9,0 triệu USD (chiếm 44,1% thị phần, giảm 6,2% so với cùng kỳ năm 2020) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 10,9 triệu USD (chiếm 60,6% thị phần), tăng 62,1%, trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 4,5 triệu USD (tăng 140,0% so với cùng kỳ năm trước); (ii) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 3,5 triệu USD (tăng 77,8%); (iii) rau chế biến (không đông lạnh) (mã HS.2005) đạt 1,6 triệu USD (tăng 138,7%); v.v.

Trong tháng 12 năm 2021, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ nhiều nhất bao gồm: thanh long đạt 3,6 triệu USD (chiếm 18,2% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 31,0% so với cùng kỳ năm 2020; dứa đạt 2,3 triệu USD (chiếm 11,4%), tăng 76,6%; sầu riêng đạt 1,4 triệu USD (chiếm 7,2%), tăng 84,2%; xoài đạt 891,5 nghìn USD (chiếm 4,5%), tăng 108,8%; v.v.

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 12 năm 2021

Nguồn: Tổng cục Hải quan

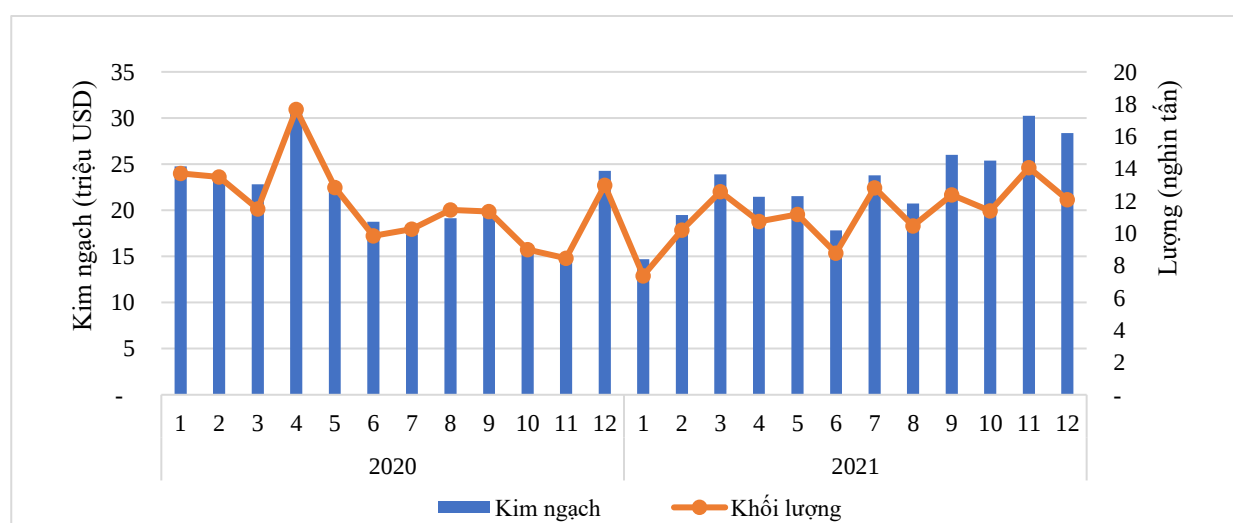
Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hoa Kỳ tháng 12 năm 2021 đạt 29,7 triệu USD, chiếm 22,5% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, giảm 30,0% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung cả năm 2021, giá trị nhập khẩu rau quả từ Hoa Kỳ đạt 308,2 triệu USD (chiếm 13,1%), giảm 0,6% so với cùng kỳ năm 2020. Trong tháng 12/2021, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: hạt dẻ đạt 7,5 triệu USD, chiếm 25,2% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm 2020; hạnh nhân đạt 7,1 triệu USD (chiếm 23,8%), giảm 33,3%; táo đạt 6,0 triệu USD (chiếm 20,3%), giảm 48,8%; nho đạt 4,9 triệu USD (chiếm 16,6%), giảm 16,5%; v.v.

3. CÀ PHÊ

Hiệp hội Cà phê Xanh Hoa Kỳ đã thông báo các kho dự trữ tại cảng của nước này đã giảm 10.029 bao, tương đương giảm 0,17% trong tháng 12/2021, lượng tồn kho này ở mức 5.833.692 bao vào cuối tháng.

Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu cà phê lớn thứ 2 của Việt Nam, chiếm khoảng 10% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 12/2021 ước đạt 12,1 nghìn tấn với trị giá 28,4 triệu USD, giảm 14,1% về khối lượng và 6,2% về giá trị so với tháng trước, và giảm 6,9% về khối lượng nhưng tăng 16,9% về giá trị so với cùng kỳ 2020. Năm 2021, xuất khẩu cà phê sang Hoa Kỳ đạt 134,0 nghìn tấn, trị giá 273,5 triệu USD, giảm 6,0% về khối lượng nhưng tăng 7,2% về giá trị so với năm 2020.

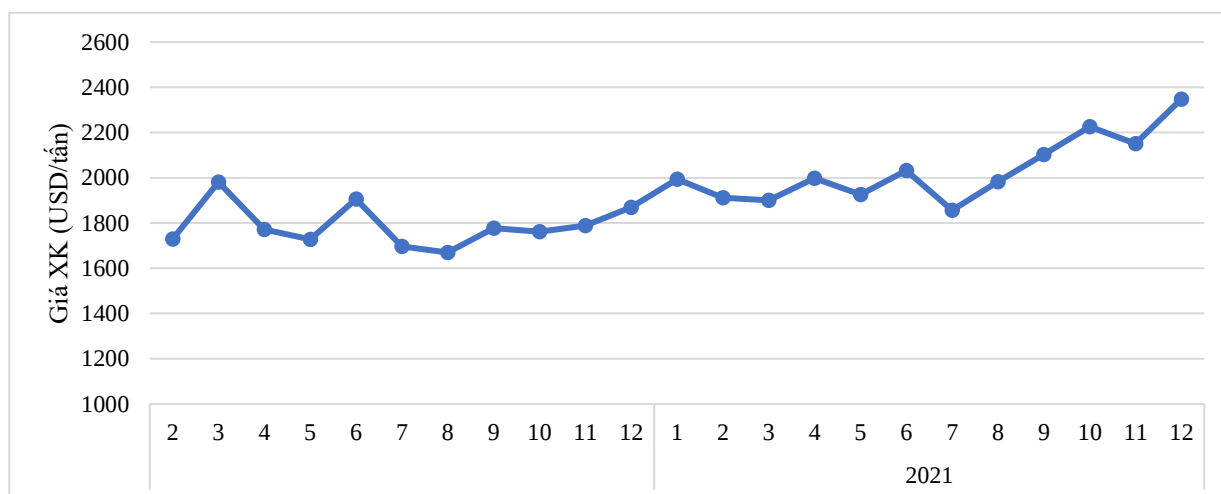
Hình 6. Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 12/2021, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ đạt mức 2.348 USD/tấn, tăng 9,2% so với tháng trước và tăng 25,6% so với cùng kỳ năm 2020.

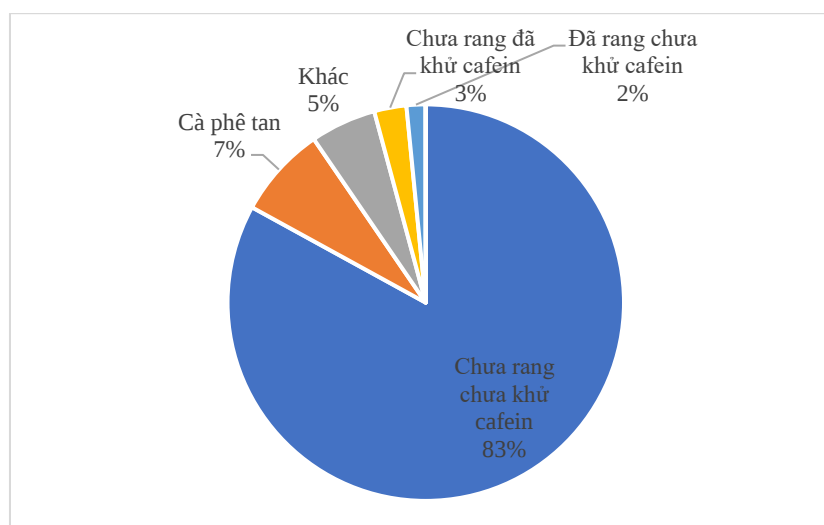
Hình 7. Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 12/2021, cà phê chưa rang chưa khử cafein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 23,5 triệu USD, chiếm 83,0% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê tan với kim ngạch 2,1 triệu USD, chiếm 7,5% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê chưa rang đã khử cafein và cà phê đã rang chưa khử cafein, chiếm lần lượt 2,6% và 1,5% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

Hình 8. Chủng loại cà phê xuất khẩu sang Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 12/2021

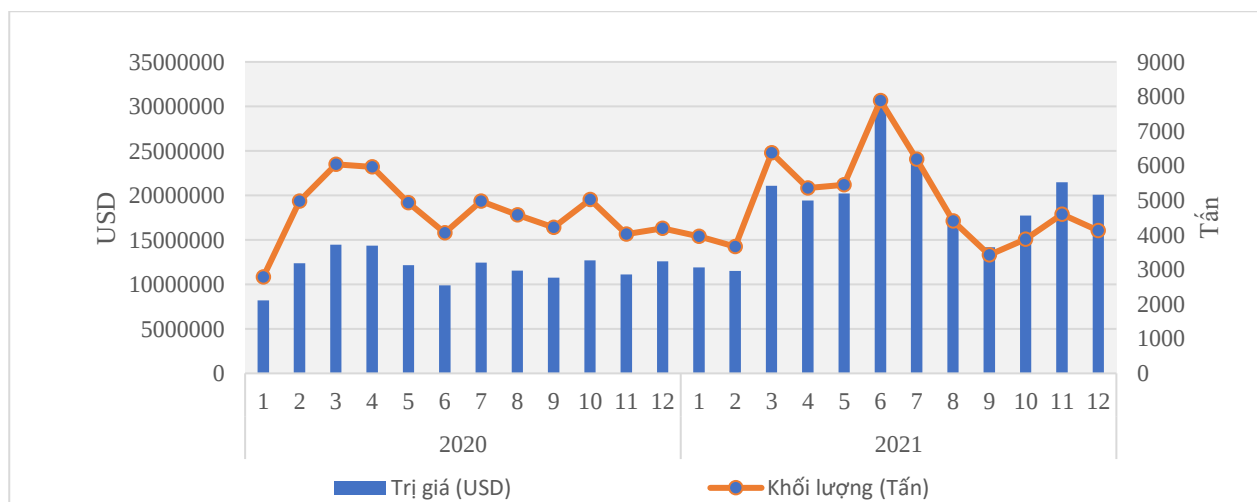


Nguồn: Tổng cục Hải quan

4. HỒ TIÊU

Theo công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 12/2021 đạt 4.122 tấn, tương ứng với 20,07 triệu USD, giảm 10,35% về khối lượng và 6,58% về giá trị so với tháng 11/2021. So với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường này giảm 10,5% về khối lượng và 6,58% về giá trị.

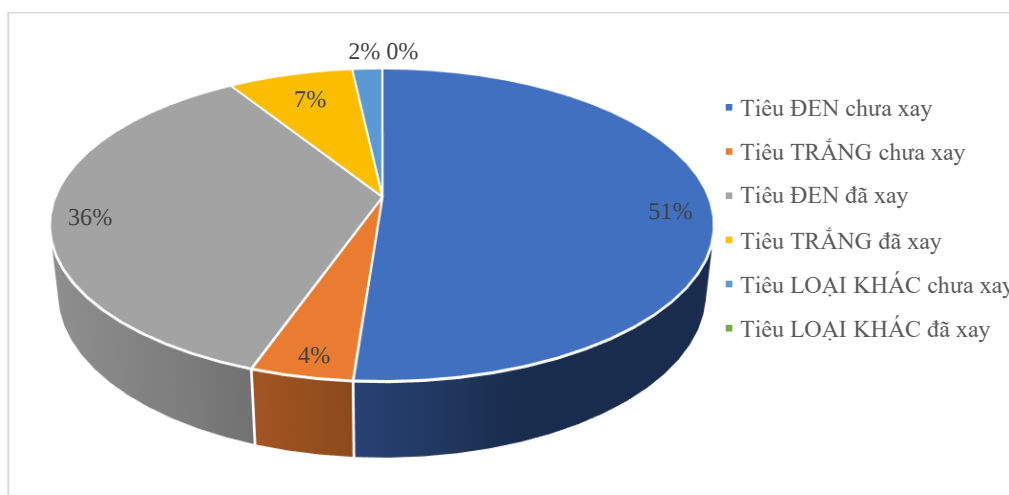
Hình : Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 12/2021, tiêu đen chưa xay vẫn là loại sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 52,08% tổng giá trị tiêu các loại xuất khẩu xuất sang Hoa Kỳ, tăng 61,83% so với tháng trước đó và giảm 20,74% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm được xuất khẩu nhiều thứ hai là tiêu đen đã xay, chiếm 36,28%, gần như không đổi so với tháng trước và tăng 41,55% so với cùng kỳ năm trước.

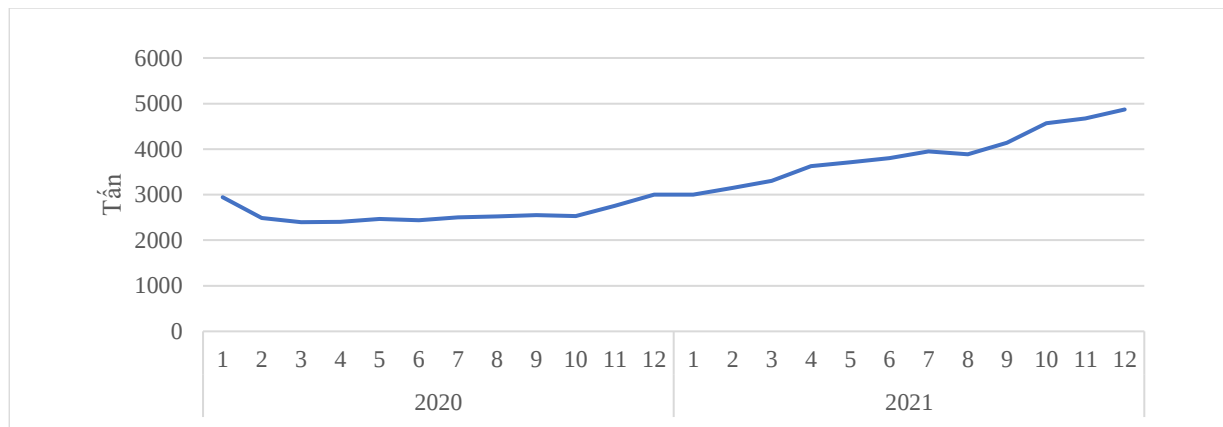
Hình: Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 12/2021



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu trung bình của hồ tiêu Việt Nam vào thị trường này trong tháng 12/2021 đạt 4870 USD/tấn, tăng 4,2% so với tháng trước và 62,3% so với cùng kỳ năm trước.

Hình : Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ

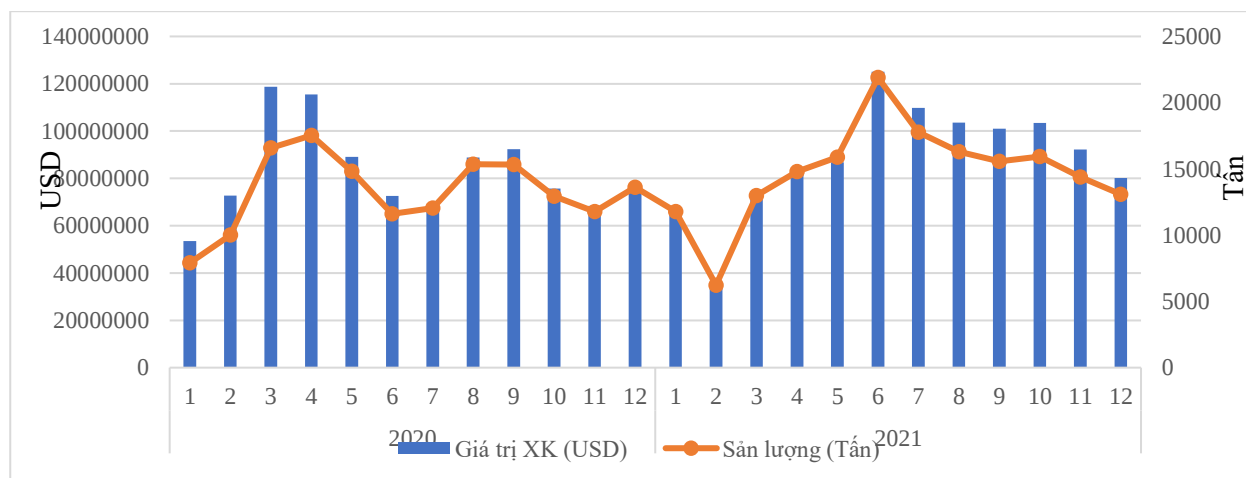


Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

5. HẠT ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 12/2021, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ đạt 13,08 nghìn tấn, trị giá 80,15 triệu USD, tăng 6,9% về khối lượng và 5,5% về giá trị so với tháng cùng kỳ năm trước. Tính cả năm 2021, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này đạt hơn 1 triệu USD, tương ứng với 176,6 nghìn tấn, tăng 6,2% về giá trị và 10,7% về sản lượng so với cùng kỳ năm trước.

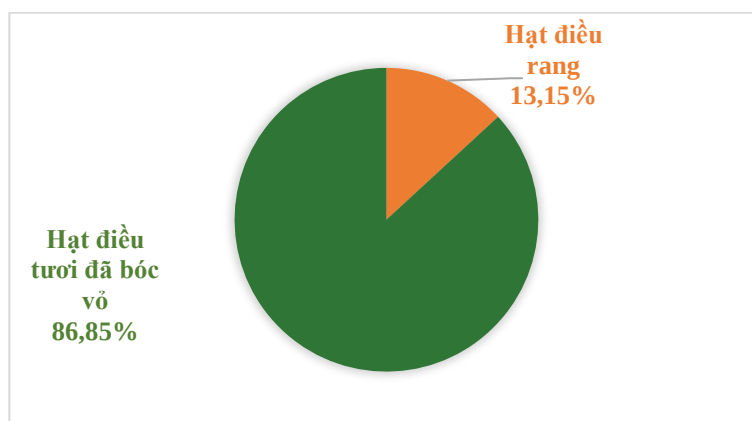
Hình 9. Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu điều sang thị trường này vẫn chủ yếu là hạt điều tươi đã bóc vỏ chiếm tới 86,9%, đạt 69,9 triệu USD, giảm 12,9% so với tháng trước và tăng 1,3% so với cùng kỳ năm trước; hạt điều rang đạt 10,6 triệu USD chiếm 13,1%, tăng 49,7% so với cùng kỳ năm trước và giảm 10,9% so với tháng trước.

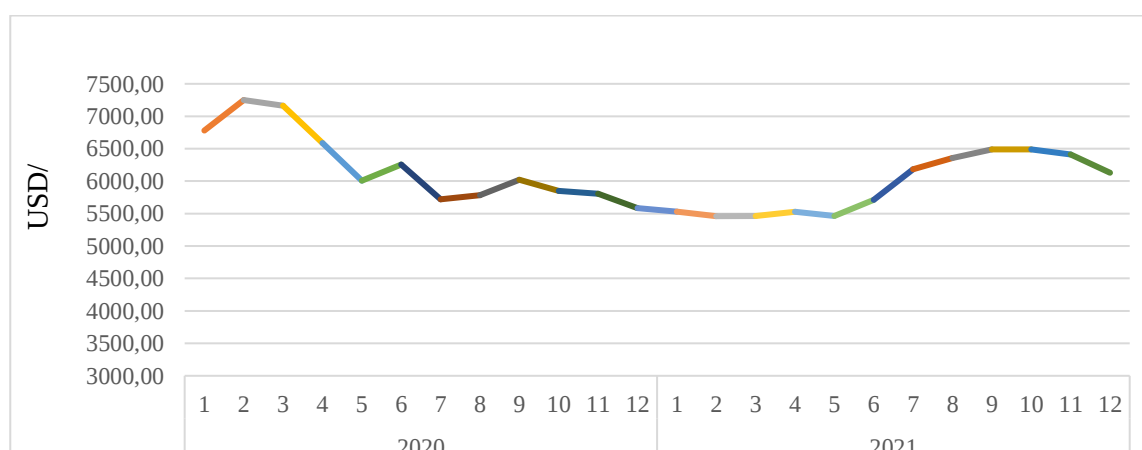
Hình 10. Cơ cấu sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu điều trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tiếp tục giảm nhẹ vào cuối năm. Cụ thể, giá xuất khẩu điều bình quân tháng 12/2021 đạt 5.934 nghìn USD/tấn, giảm 4,8% so với tháng trước và 7,4% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, giá xuất khẩu hạt điều tươi đã bóc vỏ sang thị trường này trung bình đạt 6 USD/kg, giảm 3,9% so với tháng trước và tăng 9,2% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 11: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Theo số liệu của Ủy ban Thương mại quốc tế Hoa Kỳ, thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của quốc gia này đã giảm nhẹ từ 89,64% trong 11 tháng năm 2020 xuống 89,35% trong 11 tháng năm 2021. Giá nhập khẩu bình quân hạt điều của Hoa Kỳ đạt mức 6.436 USD/tấn, giảm 1,4% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, giá nhập khẩu bình quân hạt điều của Hoa Kỳ từ Việt Nam

giảm 1,3%, xuống 6.410 USD/tấn. Ngược lại, giá nhập khẩu hạt điều của Hoa Kỳ từ Brazil tăng 3%, lên 6.901 USD/tấn. Cùng với đó, trong 11 tháng năm 2021, Hoa Kỳ tăng nhập khẩu hạt điều từ hầu hết các nguồn cung chính, ngoại trừ Indonesia.

6. THỦY SẢN

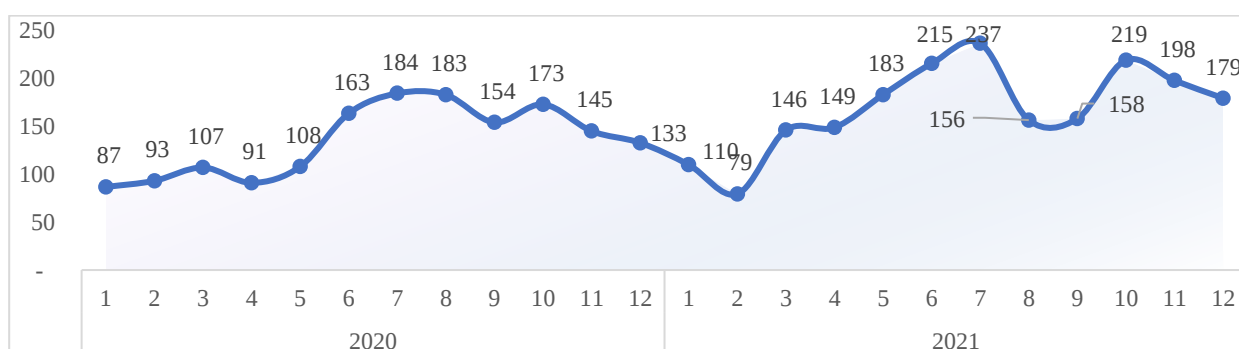
Năm 2021, doanh thu bán hải sản tươi sống và đông lạnh ở Hoa Kỳ đạt mức cao kỷ lục, chủ yếu do lạm phát. Trong đó, doanh thu hải sản tươi sống năm 2021 tăng 4% so với năm 2020 và tăng 30,8% so với năm 2019, đạt 7,1 tỷ USD; Doanh thu thủy sản đông lạnh tăng 2,8% so với năm 2020 và tăng 40,8% so với năm 2019, đạt 7,2 tỷ USD. Như vậy, doanh thu bán thủy sản đã tăng trưởng chậm lại sau khi tăng mạnh trong năm 2020. Năm 2021, doanh thu cá tươi tăng 6,4% so với năm 2020 và tăng 25,5% so với năm 2019; Doanh thu bán thủy sản có vỏ tươi tăng 0,5% so với năm 2020 và tăng 37,6% so với năm 2019. Trong lĩnh vực đông lạnh, doanh thu bán thủy sản tăng 2,2% so với năm 2020 và tăng 40% so với năm 2019. Trong đó, tôm đông lạnh nguyên liệu là mặt hàng có doanh thu tăng mạnh nhất, tăng 7% so với năm 2020 và tăng gần 60% so với năm 2019, trong khi doanh thu bán tôm nấu chín đông lạnh giảm 1,7% so với năm 2020, nhưng đã tăng 24,2% so với năm 2019. Thủy sản đông lạnh vẫn là loại sản phẩm có doanh thu cao nhất, mặc dù số lượng hàng giảm 1,6% so với năm 2020. Lạm phát tiếp tục là vấn đề lớn ảnh hưởng tiêu thụ thủy sản. Trong đó, giá thủy sản có tỷ lệ tăng cao hơn nhiều so với tỷ lệ lạm phát điển hình, đặc biệt là giá cá tươi... tăng 8% so với năm 2020.

Theo số liệu thống kê của NMFS, nhập khẩu thủy sản của Hoa Kỳ tháng 11/2021 đạt 270 nghìn tấn, trị giá 2,44 tỷ USD, tăng 9,72% về lượng và tăng 35,27% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 11 tháng năm 2021, nhập khẩu thủy sản của Hoa Kỳ đạt 2,99 triệu tấn, trị giá 25,7 tỷ USD, tăng 11,49% về lượng và tăng 29,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Hoa Kỳ tiếp tục duy trì vị trí số 1 trong các nước xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Theo tổng cục hải quan, năm 2021, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt trên 2,02 tỷ USD, tăng 25,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 12. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 12/2021

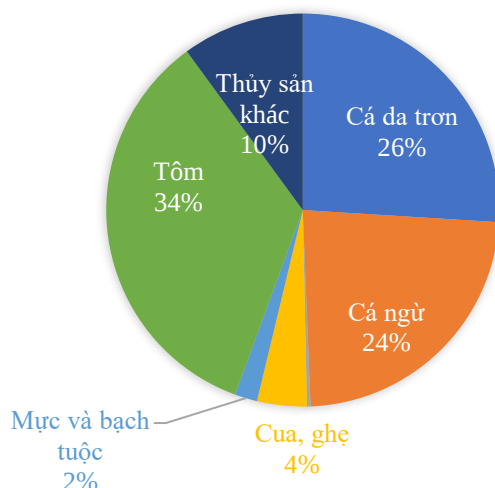
ĐVT: Triệu USD



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 12/2021, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt hơn 179,3 triệu USD, tăng 35,1% so với cùng kỳ năm 2020, và giảm 9,3% so với tháng trước. Tôm là mặt hàng thủy sản lớn nhất xuất khẩu sang thị trường này trong tháng 12/2021, chiếm 34,4%, cá da trơn chiếm 23,4%.

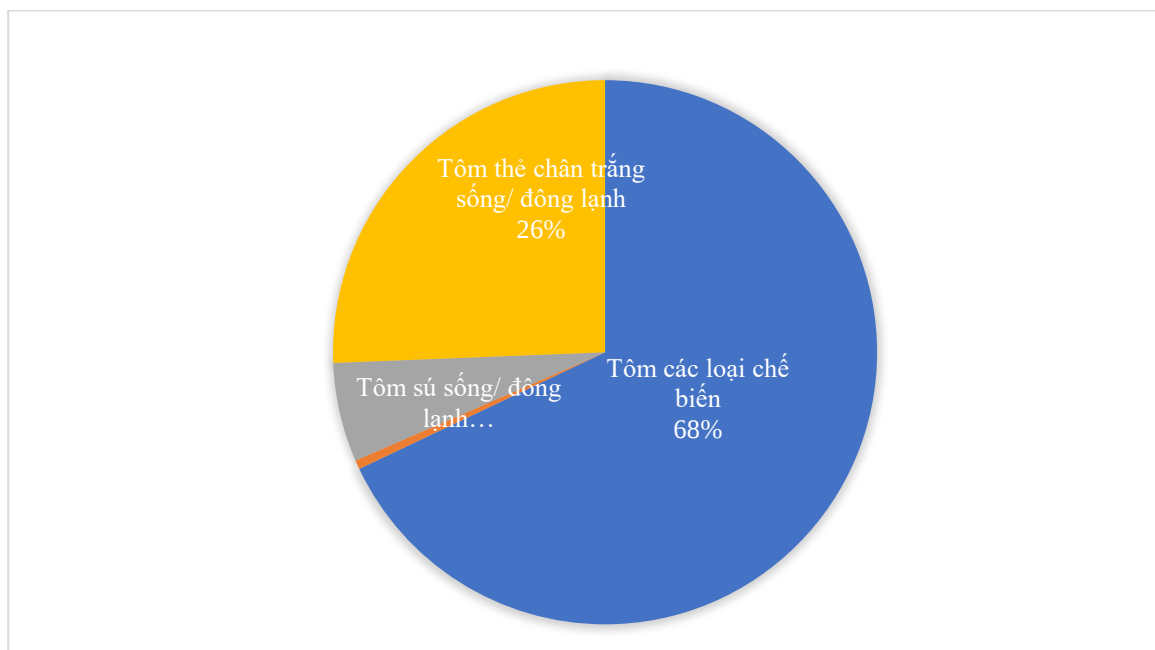
Hình 13. Cơ cấu xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 12/2021



Nguồn: Tổng cục hải quan

Tháng 12/2021, xuất khẩu tôm chế biến các loại của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ đạt 41,9 triệu USD, chiếm 68% giá trị xuất khẩu sang thị trường này, giảm 2,9% so với tháng 12/2020; tôm sú sống/đông lạnh đạt 3,6 triệu USD, chiếm 5,9%, giảm 25,8%; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,3 triệu USD, chiếm 0,5%, giảm 68,7%; tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 15,8 triệu USD, chiếm 25,6%, tăng 8,2%.

Hình 14. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hoa Kỳ tháng 12/2021



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Xuất khẩu cá da trơn sang thị trường này tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước (tăng 64,8%). Cá da trơn xuất khẩu sang thị trường này chủ yếu là cá tra phi lê chiếm tới 99%, đạt 46,1 triệu USD, tăng 67,7% so với cùng kỳ năm trước và tăng 35,3% so với tháng trước.

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 12/2021 như sau: Cá ngừ đạt 41,9 triệu USD, tăng 114,3% so với tháng 12/2020; cua, ghẹ đạt 7,3 triệu USD, tăng 74%; thủy sản khác đạt 18 triệu USD, tăng 16,4% và mực bạch tuộc đạt 3,3 triệu USD, giảm 3,2%.

Tháng 12/2021, giá xuất khẩu tôm đạt trung bình 11,7 USD/kg, tăng 11,8% so với cùng kỳ năm 2020; cá da trơn đạt 3,9 USD/kg tăng 13,2%. Cụ thể,

Bảng 1. Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 12/2021

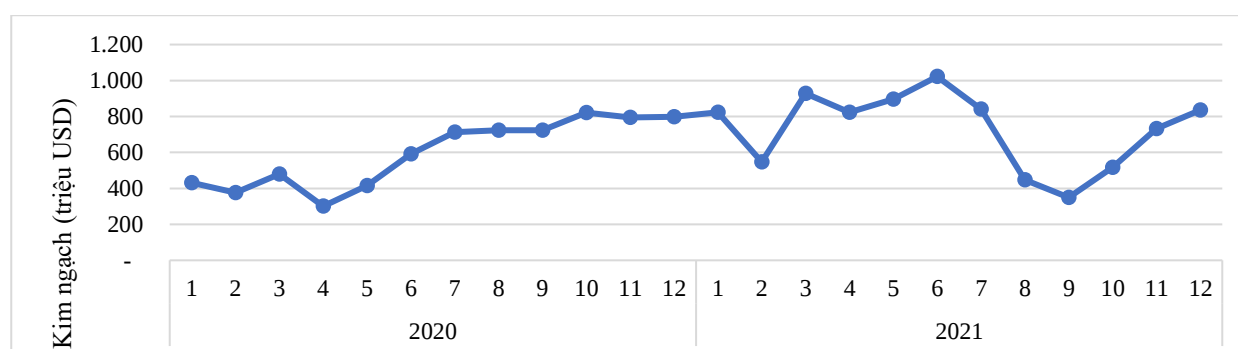
TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	3,9	13,2%	10,6%
2	Cá ngừ	11,1	19,6%	-0,2%
3	Cua, ghẹ	19,6	47,1%	7,1%
4	Mực và bạch tuộc	11,3	-14,9%	57,2%
5	Tôm	11,7	11,8%	0,4%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan.

7. GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 12/2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 836,4 triệu USD, tăng 14,2% so với tháng trước và 4,8% so với cùng kỳ năm 2020.

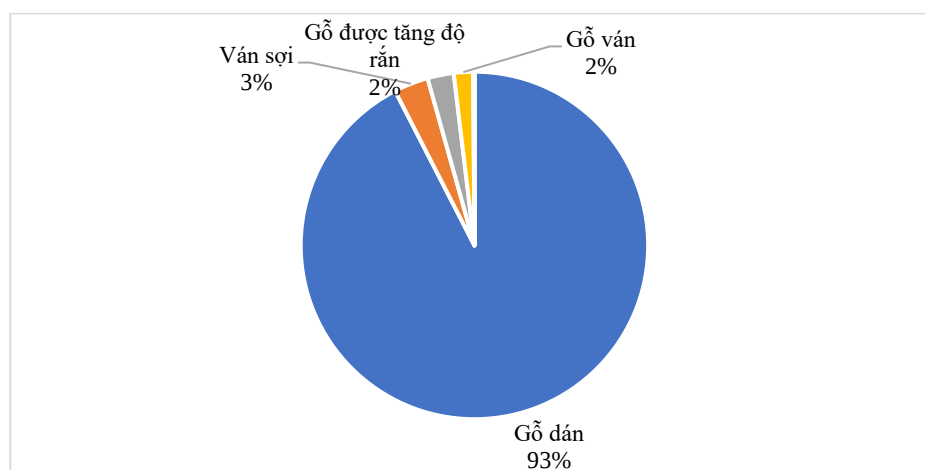
Hình 15: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 12/2021, gỗ dán là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 56,0 triệu USD, chiếm 92,5% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là ván sợi với kim ngạch 1,9 triệu USD, chiếm 3,2% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ được tăng độ rắn và gỗ ván, chiếm lần lượt 2,4% và 1,8% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

Hình: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 12/2021



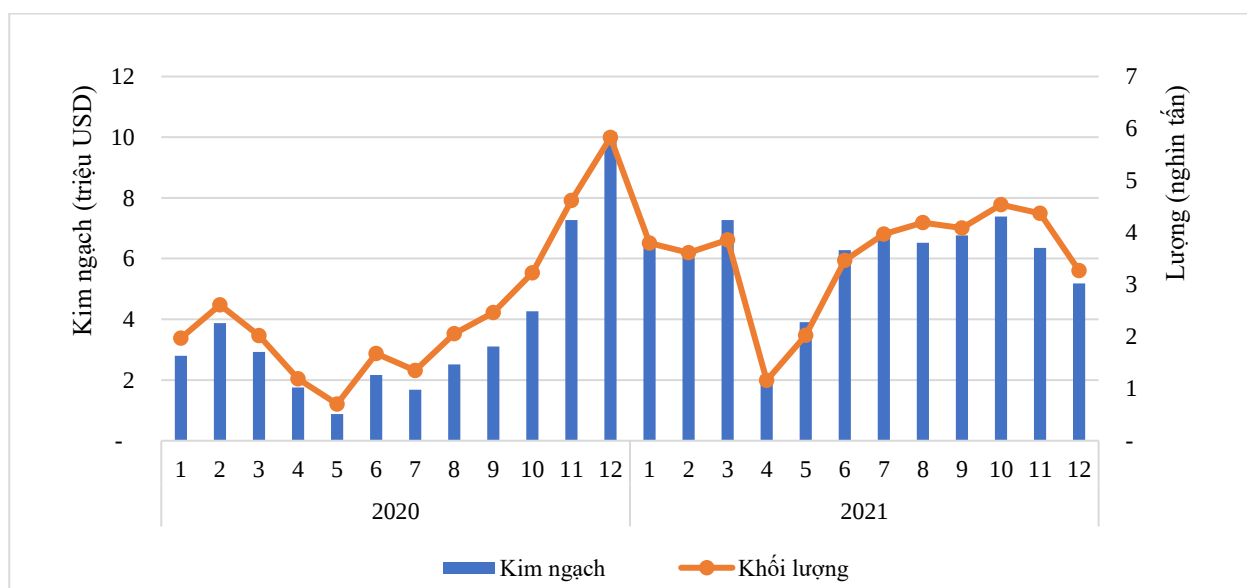
Nguồn: Tổng cục Hải quan

8. CAO SU

Trong 11 tháng năm 2021, Hoa Kỳ nhập khẩu 920,87 nghìn tấn cao su tự nhiên (mã HS: 4001), trị giá 1,7 tỷ USD, tăng 26,2% về lượng và tăng 56,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su tự nhiên lớn thứ 4 cho Hoa Kỳ, với 39,02 nghìn tấn, trị giá 68,49 triệu USD, tăng 82,5% về lượng và tăng 122,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Thị phần cao su tự nhiên của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ chiếm 4,2%, tăng so với mức 2,9% của 11 tháng năm 2020.

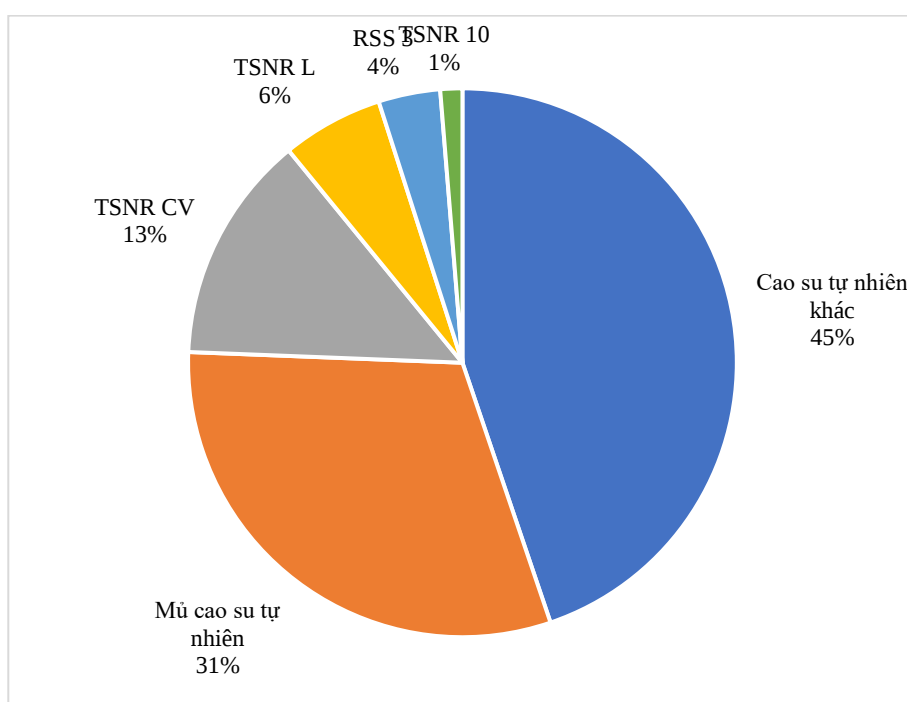
Đối với cao su tổng hợp (mã HS: 4002), trong 11 tháng năm 2021, Hoa Kỳ nhập khẩu 621,29 nghìn tấn, trị giá 1,37 tỷ USD, tăng 18,5% về lượng và tăng 37,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Cao su tổng hợp của Việt Nam chỉ chiếm 0,01% trong tổng lượng cao su nhập khẩu của Hoa Kỳ.

Theo Tổng cục Hải quan Việt Nam, tháng 12/2021, xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 3,3 nghìn tấn với trị giá 5,2 triệu USD, giảm 25,2% về khối lượng và 18,5% về giá trị so với tháng trước, và giảm 43,9% về khối lượng và 49,0% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

Hình 16: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ

Nguồn: Tổng cục Hải quan

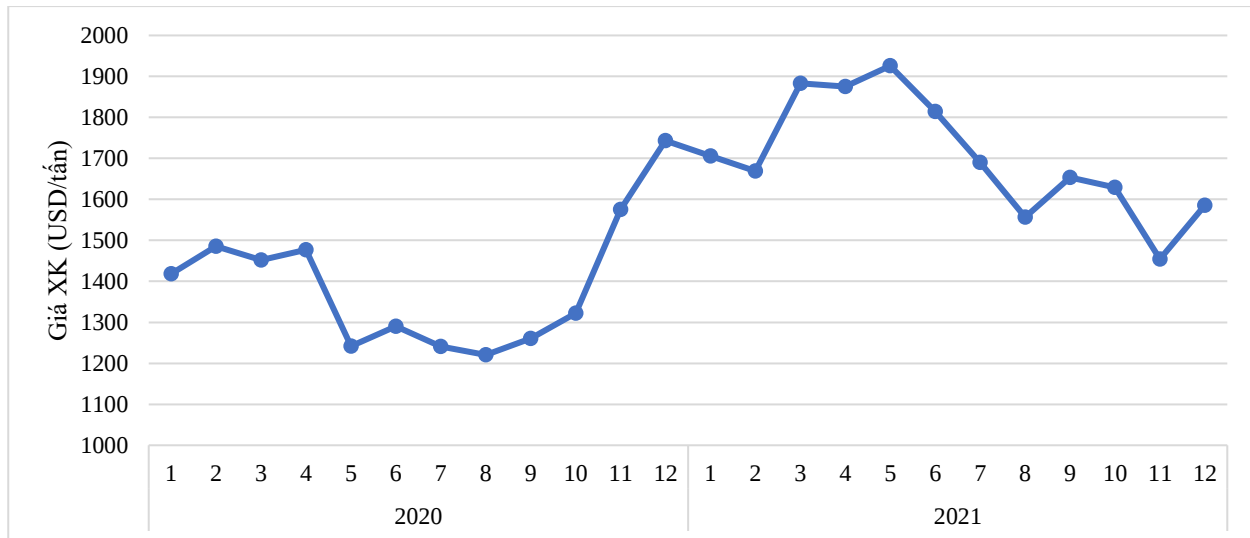
Trong tháng 11/2021, mủ cao su tự nhiên là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 1,6 triệu USD, chiếm 30,8% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cao su TSNR CV với kim ngạch 697,0 nghìn USD, chiếm 13,5% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là TSNR L và RSS 3, chiếm lần lượt 6,0% và 3,6% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

Hình 17: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 12/2021

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su tự nhiên xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 12/2021 đạt mức 1.585 USD/tấn, tăng 9,0% so với tháng trước nhưng giảm 9,1% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 18: Giá cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Lúa gạo

Theo ước tính sơ bộ của USDA, trong năm 2021/22, Hoa Kỳ ước tính sản xuất được khoảng 6,09 triệu tấn gạo, giảm 15,7% so với năm 2020/21. Nguyên nhân chính là do kỳ mưa xuân kéo dài đầu năm 2022 không thuận lợi cho việc gieo trồng dự kiến sẽ giảm một phần diện tích tại khu vực miền nam của nước này. Tuy nhiên, nhập khẩu gạo của Hoa Kỳ trong năm 2022 ước tính sẽ đạt 1 triệu tấn, giảm nhẹ so với mức ước tính nhập khẩu 1,13 triệu tấn của năm 2021.

2. Cà phê

Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) nhận định, năm 2022, Việt Nam còn nhiều dư địa để tăng xuất khẩu sang các thị trường Hoa Kỳ. Để đáp ứng yêu cầu khắt khe từ các thị trường, ngoài việc nâng cao chất lượng sản phẩm, ngành cà phê cần chú trọng đến khâu truy xuất nguồn gốc, nâng cao năng lực sản xuất. Cơ cấu xuất khẩu cà phê của Việt Nam có sự thay đổi, giảm xuất khẩu cà phê nhân thô, đẩy mạnh khâu chế biến và xuất khẩu cà phê rang xay, hòa tan. Hoạt động xúc tiến thương mại tiếp tục được chú trọng, giúp quảng bá và kết nối sản phẩm cà phê của Việt Nam ra thị trường thế giới.

3. Hồ tiêu

Cục Xuất Nhập khẩu, Bộ Công Thương nhận định trong năm 2022, giá xuất khẩu hồ tiêu sẽ tiếp tục giữ ở mức cao, doanh nghiệp được hưởng lợi từ yếu tố này dù số lượng hồ tiêu xuất đi có thể giảm sút. Tại các thị trường xuất khẩu truyền thống như Hoa Kỳ, Châu Âu (EU), UAE dự báo nhiều tín hiệu lạc quan. Đặc biệt là tại thị trường Hoa Kỳ, dù Hoa Kỳ tăng nhập khẩu hạt tiêu từ một số nước sản xuất như Indonesia, Ấn Độ, Trung Quốc, tuy nhiên số lượng hồ tiêu nhập khẩu từ Việt Nam vẫn chiếm tỉ trọng lớn nhất.

4. Thủy sản

Hoa Kỳ là vừa là quốc gia xuất khẩu nông sản hàng đầu nhưng đồng thời cũng là quốc gia nhập khẩu nông sản lớn nhất thế giới. Dự báo năm 2022 xuất khẩu nông sản của Hoa Kỳ sẽ đạt trên 175 tỷ USD và giá trị nhập khẩu khoảng 165 tỷ USD, điều này cho thấy quy mô thị trường tiêu thụ nông sản thực phẩm của Hoa Kỳ là rất lớn.

Một số nhóm sản phẩm có tỉ trọng nhập khẩu lớn bao gồm thủy sản, nông sản nhiệt đới, gia vị chiếm đến trên 90%, rau quả tươi, hạt thực vật, nước trái cây tỉ trọng nhập khẩu chiếm từ 20 - 50%. Những sản phẩm mà Việt Nam có thế mạnh cũng là nhóm hàng chiếm tỉ trọng nhập khẩu lớn.

Tuy nhiên xuất khẩu thủy sản sang thị trường này cũng gặp những khó khăn nhất định như yêu cầu sản phẩm cao, cạnh tranh lớn. Chính vì vậy, để năm 2022 duy trì được thị phần các doanh nghiệp cần lưu ý các vấn đề sau:

- Cần có sự chuẩn bị chu đáo, chuyên nghiệp, bao gồm có nghiên cứu cụ thể về phân khúc thị trường, dòng sản phẩm, tìm hiểu về các quy trình thủ tục đối với từng loại

sản phẩm, các tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm, bao bì đóng gói, tính toán đến cả chi phí tiếp cận thị trường.

- Cần tích cực tham gia các hội chợ nông sản thực phẩm cả trực tuyến và trực tiếp. Đây là kênh tìm kiếm khách hàng phổ biến và đa dạng nhất.

- Lưu giữ đầy đủ hồ sơ quá trình sản xuất, chế biến để truy xuất thông tin và phục vụ các đợt thẩm tra tại chỗ của các cơ quan chức năng của Hoa Kỳ. Trong trường hợp xảy ra các vụ điều tra phòng vệ thương mại, các doanh nghiệp cần chủ động liên hệ với các cơ quan thuộc Bộ Công thương, Bộ NN-PTNT để nắm bắt thông tin cần thiết, kịp thời.

5. Gỗ và sản phẩm gỗ

Hoa Kỳ là thị trường tiêu thụ hàng hóa lớn nhất thế giới và đang phục hồi rất nhanh sau thời gian chịu ảnh hưởng từ dịch COVID-19 năm 2020. Đối với ngành đồ gỗ nội thất, trong 10 tháng năm 2021, Hoa Kỳ đã nhập khẩu từ Việt Nam trị giá 7,2 tỷ USD, tăng 29% so với cùng kỳ năm 2020. Việt Nam đang là đối tác cung ứng lớn nhất, chiếm khoảng 40% tổng giá trị nhập khẩu đồ gỗ nội thất của Hoa Kỳ. Nhu cầu tiêu dùng của người dân Hoa Kỳ đang tăng, đặc biệt trong những tháng cuối năm, chuẩn bị các dịp lễ lớn. Xu hướng làm việc tại nhà vẫn đang phổ biến và có thể kéo dài thêm nên chi tiêu cho đồ gỗ, nội thất gia đình dự kiến tiếp tục tăng.

6. Cao su

Kinh tế Hoa Kỳ đang dần hồi phục sau thời gian dài bị ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhu cầu cao su của Hoa Kỳ được dự báo sẽ tiếp tục tăng cho tới năm 2023. Thị phần cao su của Việt Nam tại Hoa Kỳ đã dần được cải thiện, nhưng mới chỉ chiếm thị phần thấp, do đó cao su của Việt Nam vẫn còn nhiều dư địa xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ. Dự báo xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Hoa Kỳ sẽ tiếp tục khả quan trong năm 2022.

PHỤ LỤC

Bảng 2. Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 12/2021

STT	Sản phẩm	Tháng 12/2021 (USD)	Tăng/giảm so T11/2021	Tăng /giảm so T11/2020	Tỷ trọng T12/2021
1	Cà phê	28,370,986	16.9%	-49.6%	2.3%
2	Cao su	5,182,452	-49.0%	-60.5%	0.4%
3	Chè	1,151,254	17.5%	-13.4%	0.1%
4	Gạo	1,114,406	-21.6%	-30.8%	0.1%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	836,428,884	4.8%	-22.7%	66.7%
6	Hàng rau quả	19,912,528	22.0%	-42.0%	1.6%
7	Hàng thủy sản	179,330,005	35.1%	-49.6%	14.3%
8	Hạt điều	80,146,203	5.5%	-58.5%	6.4%
9	Hạt tiêu	20,074,753	59.7%	-43.7%	1.6%
10	Mây tre đan	41,212,147	58.0%	-18.9%	3.3%
11	SP từ cao su	30,270,890	0.6%	-43.5%	2.4%
12	TĂGS &NL	10,789,892	-13.9%	5.0%	0.9%
Tổng XK NLTS		1,253,984,400	9.9%	-33.6%	100.0%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 3. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hoa Kỳ tháng 12/2021**

Loại sản phẩm	Tháng 10/2020		Tháng 10/2021		So sánh T9.2021/T9.2020	
	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
Gạo thơm	1.282	1.006.465	1.156	866.168	-9,8%	-13,9%
Gạo nếp	700	365.966	203	145.142	-71,0%	-60,3%
Các loại gạo khác	61	48.434	96	103.096	56,2%	112,9%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4. Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hoa Kỳ tháng 12/2021

TT	Sản phẩm	T12/2020	T12/2021	So sánh
		(USD)	(USD)	T12.2021/T12.2020
	Tổng giá trị XK	16.324.121	19.912.528	22,0%
1	Dừa	2.764.720	3.623.152	31,0%
2	Thanh long	1.290.669	2.279.349	76,6%
3	Sầu riêng	781.360	1.439.190	84,2%
4	Dứa	426.959	891.537	108,8%
5	Xoài	465.935	808.713	73,6%
6	Vú sữa	408.842	548.298	34,1%
7	Nhãn	4.000	84.765	2019,1%
8	Vải	7.338	40.451	451,3%
9	Khác	10.174.298	10.197.073	0,2%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 5. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng cà phê sang Hoa Kỳ tháng 12/2021**

Mặt hàng	T12/2020 (USD)	T12/2021 (USD)	So sánh 2021/2020
Chưa rang chưa khử cafein	19.586.870	23.527.827	20,12%
Đã rang chưa khử cafein	2.190.444	2.115.382	-3,43%
Đã rang đã khử cafein	1.187.789	1.520.325	28,00%
Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê	924.673	745.453	-19,38%
Chưa rang đã khử cafein	359.435	438.394	21,97%
Tinh chất, chiết xuất cô đặc	1.605	3.906	143,33%
Tổng	24.250.816	28.351.287	16,91%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang Hoa Kỳ tháng 12/2021

Loại sản phẩm	Tháng 12/2020	Tháng 12/2021	So sánh T12.2021/ T12.2020
	(USD)	(USD)	
Cá da trơn	46.597.687,3	28.281.057,9	64,8%
Cá ngừ	41.935.717,8	19.571.245,2	114,3%
Cá rô phi	517.605,8	234.380,1	120,8%
Cua, ghẹ	7.339.543,9	4.216.932,3	74,0%
Mực và bạch tuộc	3.325.528,7	378.640,6	778,3%
Tôm	61.603.412,9	63.656.568,5	-3,2%
Thủy sản khác	18.010.508,6	16.390.058,4	9,9%
Tổng	179.330.005,0	132.728.883,0	35,1%

Nguồn: Tổng cục Hải quan